

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác
khoáng sản đối với khu vực khoáng sản ưu tiên mở rộng
tại khu vực Khe Bông, phường Hương Trà**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản
ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP
ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật Sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 223/QĐ-UBND ngày 02 tháng
02 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc cho phép Công ty TNHH
khai thác đá số 1 Hương Trà tiếp tục khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây
dựng thông thường tại khu vực khe Bông, phường Hương Vân, thị xã Hương
Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế (chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản từ Công
ty Cổ phần Xây dựng giao thông Thừa Thiên Huế);*

*Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của
UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của
UBND thành phố Huế về việc điều chỉnh nâng công suất khai thác mỏ đá Khe
Bông để cung cấp vật liệu xây dựng thông thường cho các công trình, dự án quy
định tại Nghị quyết số 66.4/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4062/TTr-SCT
ngày 09 tháng 10 năm 2026; Công văn số 4301/SCT-AT ngày 22 tháng 10 năm
2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khoanh định khu vực mở rộng khu vực khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Khe Bông, phường Hương Trà, thành phố Huế cho Công ty Cổ phần khai thác đá số 1 Hương Trà có diện tích 4,355 ha vào danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để ưu tiên mở rộng khu vực khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 của Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 47/2025/QH15) được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ nêu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Vị trí, ranh giới khu vực nêu trên được xác định bởi Bản đồ khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỷ lệ 1:5.000 và tỷ lệ 1:10.000 tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Chủ tịch UBND thành phố, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ, nội dung thẩm định, tham mưu trình Chủ tịch UBND thành phố tại Tờ trình số 4062/TTr-SCT ngày 09 tháng 10 năm 2026; Công văn số 4301/SCT-AT ngày 22 tháng 10 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an thành phố Huế; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Huế; Chủ tịch UBND phường Hương Trà, Giám đốc Công ty Cổ phần khai thác đá số 1 Hương Trà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công TTĐT thành phố Huế (để đăng tin);
- VP: LĐ và CV: GT, ĐC, CT;
- Lưu: VT, XD.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh

Phụ lục I

DANH MỤC KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố)

STT	Tên khu vực mỏ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0)	
					X (m)	Y (m)
01	Khu vực mở rộng khu vực khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Khe Bàng, phường Hương Trà, thành phố Huế cho Công ty Cổ phần khai thác đá số 1 Hương Trà	4,355	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	1	1820920,63	547233,68
				M4	1820932,27	547327,97
				M3	1820635,25	547363,78
				M2	1820676,29	547656,11
				2	1820636,59	547661,01
				3	1820582,78	547277,72
				4	1820664,62	547267,05

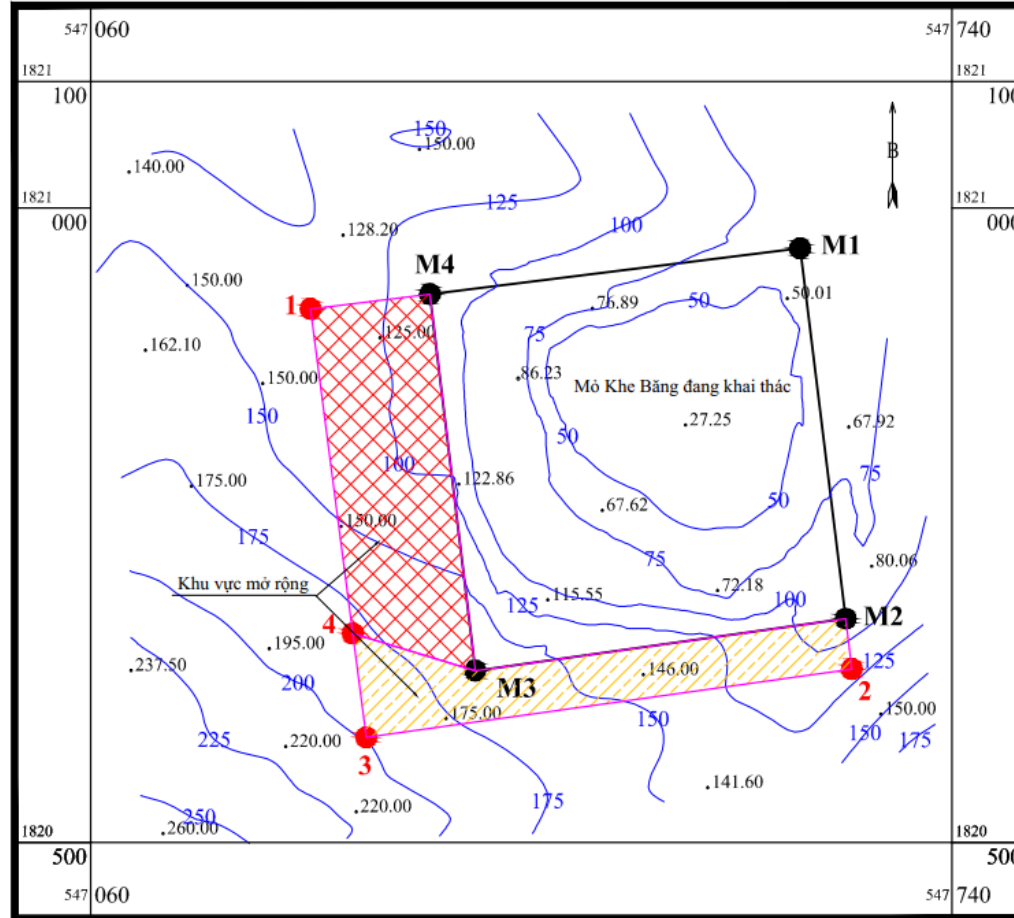
Phụ lục II

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHÔNG ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TỶ LỆ 1:5.000*(Kèm theo Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố)***Tọa độ khép góc mỏ đang khai thác**

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000; KTT 107°, múi chiếu 3 ^o	
	X (m)	Y (m)
M1	1820968,34	547620,05
M2	1820676,29	547656,11
M3	1820635,25	547363,78
M4	1820932,27	547327,97
Diện tích: 8,745ha		

Tọa độ khép góc mở rộng

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000; KTT 107°, múi chiếu 3 ^o	
	X (m)	Y (m)
1	1820920,63	547233,68
M4	1820932,27	547327,97
M3	1820635,25	547363,78
M2	1820676,29	547656,11
2	1820636,59	547661,01
3	1820582,78	547277,72
4	1820664,62	547267,05
Diện tích: 4,355ha		

**CHỈ DẪN:**

- Đường đồng mức cái và giá trị (m)
- Mốc ranh giới mỏ và số hiệu
- Mốc ranh giới mở rộng và số hiệu
- Diện tích trong ranh giới quy hoạch
- Diện tích ngoài ranh giới quy hoạch
- Ranh giới mỏ đang khai thác
- Ranh giới mở rộng. Diện tích 4,355ha.
Trong đó:
+ Trong ranh giới quy hoạch: 2,61 ha.
+ Ngoài ranh giới quy hoạch: 1,745 ha.

Được trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000 số
hiệu E-48-95-B-b-2, Kinh tuyến trực 108°, múi chiếu 3^o "

Tỷ lệ: 1:5.000

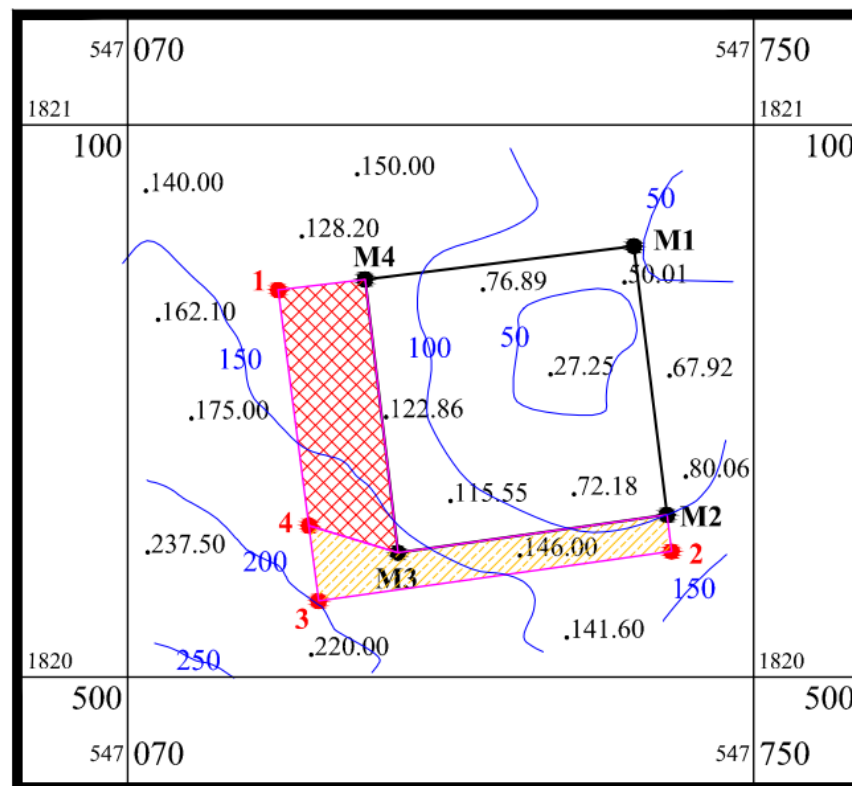
Phụ lục III

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHÔNG ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TỶ LỆ 1:10.000*(Kèm theo Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố)***Tọa độ khép góc mỏ đang khai thác**

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000; KTT 107 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
M1	1820968,34	547620,05
M2	1820676,29	547656,11
M3	1820635,25	547363,78
M4	1820932,27	547327,97
Diện tích: 8,745ha		

Tọa độ khép góc mở rộng

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000; KTT 107 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1820920,63	547233,68
M4	1820932,27	547327,97
M3	1820635,25	547363,78
M2	1820676,29	547656,11
2	1820636,59	547661,01
3	1820582,78	547277,72
4	1820664,62	547267,05
Diện tích: 4,355ha		



Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000 số hiệu E-48-95-B-b-2, Kinh tuyến trục 108⁰, múi chiếu 3⁰

Tỷ lệ: 1:10.000

CHỈ DẪN:

- Đường đồng mức cái và giá trị (m)
- Mốc ranh giới mỏ và số hiệu
- Mốc ranh giới mở rộng và số hiệu
- Diện tích trong ranh giới quy hoạch
- Diện tích ngoài ranh giới quy hoạch
- Điểm độ cao (m)
- Ranh giới mỏ đang khai thác
- Ranh giới mở rộng. Diện tích 4,355ha.
Trong đó:
+ Trong ranh giới quy hoạch: 2,61 ha.
+ Ngoài ranh giới quy hoạch: 1,745 ha.